

Số: 251/BC-UBND

Đức Cơ, ngày 11 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng các làng thuộc phạm vi Đề án 1385 phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 trên địa bàn huyện

Thực hiện Công văn số 1401/VP-KTHT, ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh và Công văn số 1116/SNNPTNT-VPNTM, ngày 27/4/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT: Về việc báo cáo kế hoạch thực hiện Đề án hỗ trợ thôn, làng khu vực biên giới xây dựng nông thôn mới năm 2020. Ủy ban nhân dân huyện báo cáo như sau:

I. Về thực trạng các thôn, làng thuộc phạm vi Đề án 1385:

Theo Kế hoạch số 2761/KH-UBND, ngày 04/12/2019 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ thôn, làng của các xã Đặc biệt khó khăn khu vực biên giới đến năm 2020 trên địa bàn huyện Đức Cơ;

Địa bàn huyện, có 2 xã (Ia Nan, Ia Pnôn) với 13 thôn, làng thuộc phạm vi thực hiện Đề án 1385, kết quả rà soát, đánh giá thực trạng Bộ tiêu chí thôn, làng (theo Quyết định số 183/QĐ-UBND, ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh Gia Lai), như sau:

- Xã Ia Nan:

Làng Sơn: Đạt 18/19 tiêu chí; chưa đạt 01 tiêu chí (10).

Thôn Ia Boong: Đạt 16/19 tiêu chí; chưa đạt 03 tiêu chí (9, 10, 17);

Thôn Ia Nhú: Đạt 14/19 tiêu chí; chưa đạt 04 tiêu chí (9,10,15,16,17);

Thôn Đức Hưng: Đạt 15/19 tiêu chí; chưa đạt 04 tiêu chí (9,10,15,17);

Thôn Ia Dao: Đạt 15/19 tiêu chí; chưa đạt 04 tiêu chí (9,10,15,17);

Thôn Ia Kle: Đạt 13/19 tiêu chí; chưa đạt 6 tiêu chí (2,9,10,14,15,17);

Thôn Ia Chía: Đạt 14/19 tiêu chí; chưa đạt 05 tiêu chí (2,9,10,16,17);

Làng Núi: Đạt 12/19 tiêu chí; chưa đạt 07 tiêu chí (2,9,10,11,14,16,17);

Làng Tung: Đạt 10/19 tiêu chí; chưa đạt 9 tiêu chí (5,9,10,11,12,14,15,16,17);

- Xã Ia Pnôn:

Làng Triêl: Đạt 13/19 tiêu chí; chưa đạt 06 tiêu chí (2,9,10,11,13,17);

Làng Chan: Đạt 10/19 tiêu chí; chưa đạt 09 tiêu chí (2,5,9,10,11,13,16,17,18);

Làng Ba: Đạt 11/19 tiêu chí; chưa đạt 08 tiêu chí (2,5,9,10,11,13,17,18);

Làng Bua: Đạt 10/19 tiêu chí; chưa đạt 09 tiêu chí (2,5,9,10,11,13,15,17,18);

II. Kế hoạch đạt chuẩn các thôn, làng đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020:

1. Xã Ia Nan: Có 04/9 thôn, làng (Làng Sơn, Thôn Ia Boong, Ia Nhú, Đức Hưng) đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 (theo Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện và Công văn số 2401/UBND-KT, ngày 13/12/2019 của UBND huyện); UBND tỉnh giao chỉ tiêu cho huyện thực hiện 06/9 thôn làng (Làng Sơn, Thôn Ia Boong, Ia Nhú, Đức Hưng, Ia Dao, Ia Kle) đạt chuẩn nông thôn mới (theo Kế hoạch số 2761/KH-UBND, ngày 04/12/2019 của UBND tỉnh).

Những tiêu chí chưa đạt tập trung gồm: 2,9,10,14,15,16,17; trong đó: Làng Sơn (chưa đạt tiêu chí 10); Thôn Ia Boong (chưa đạt tiêu chí 9, 10, 17); Thôn Ia Nhú (chưa đạt tiêu chí 9,10,15,16,17); Thôn Đức Hưng (chưa đạt tiêu chí 9,10,15,17); Thôn Ia Dao (chưa đạt tiêu chí 9,10,15,17); Thôn Ia Kle (chưa đạt tiêu chí 2,9,10,14,15,17);

*** Đối với tiêu chí 2 (Thôn Ia Dao: chưa đạt)**

- Lý do: Có 4,2/4,7 km đường nội thôn cứng hoá (chiếm 89%); còn 0,5 km đường đất, trơn trượt vào mùa mưa (nội dung 2.3).

- Giải pháp thực hiện: Đã bố trí một phần vốn từ vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM, đầu tư 300m thực hiện trong năm 2020.

*** Đối với tiêu chí 9 (Thôn Ia Boong, Ia Nhú, Đức Hưng, Ia Dao, Ia Kle chưa đạt):**

- Lý do:

Thôn Ia Boong: Còn 01 nhà dột nát (nội dung 9.1).

Thôn Ia Nhú: Còn 28 hộ có nhà, vườn chưa bố trí ngăn nắp (nội dung 9.2); còn 19 hộ chưa có khuôn viên nhà ở được chỉnh trang ngăn nắp; có cổng ngõ, hàng rào (nội dung 9.3).

Thôn Đức Hưng: Còn 06 hộ có nhà, vườn chưa bố trí ngăn nắp (nội dung 9.2); còn 06 hộ chưa có khuôn viên nhà ở được chỉnh trang ngăn nắp; có cổng ngõ, hàng rào (nội dung 9.3).

Thôn Ia Dao: Còn 24 hộ có nhà, vườn chưa bố trí ngăn nắp (nội dung 9.2); còn 16 hộ chưa có khuôn viên nhà ở được chỉnh trang ngăn nắp; có cổng ngõ, hàng rào (nội dung 9.3).

Thôn Ia Kle: Còn 31 hộ có nhà, vườn chưa bố trí ngăn nắp (nội dung 9.2); còn 20 hộ chưa có khuôn viên nhà ở được chỉnh trang ngăn nắp; có cổng ngõ, hàng rào (nội dung 9.3).

- Giải pháp thực hiện: Vận động nhân dân đối ứng kinh phí và huy động, bố trí nguồn kinh phí để xoá nhà tạm, dột nát và chỉnh trang ngăn nắp nhà ở, vườn, cổng ngõ, hàng rào...

*** Đối với tiêu chí 10 (Thôn Ia Boong, Ia Nhú, Đức Hưng, Ia Dao, Ia Kle chưa đạt):**

- Lý do: Yêu cầu đạt chuẩn năm 2019 (thôn, làng khu vực I, II: >40 triệu đồng)

Thôn Ia Boong: Thu nhập bình quân đầu người năm 2019 đạt 37 triệu đồng/người/ năm.

Thôn Đức Hưng: Thu nhập bình quân đầu người năm 2019 đạt 39 triệu đồng/người/ năm.

Thôn Ia Nhú: Thu nhập bình quân đầu người năm 2019 đạt 36 triệu đồng/người/ năm.

Thôn Ia Kle: Thu nhập bình quân đầu người năm 2019 đạt 38 triệu đồng/người/ năm.

Thôn Ia Dao: Thu nhập bình quân đầu người năm 2019 đạt 36,5 triệu đồng/người/ năm.

- Giải pháp thực hiện: Rà soát lại tất cả các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá thu nhập bình quân. Hỗ trợ phát triển các mô hình chăn nuôi nông hộ, tái đàn. Vận động nhân dân tham gia các chuỗi liên kết sản xuất như: Chuỗi liên kết cà phê, hạt điều.

*** Đối với tiêu chí 14 (Thôn Ia Kle).**

- Lý do: Chưa đạt chuẩn phổ cập THCS mức độ 2: Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở >90% theo quy định (nội dung 14.1).

- Giải pháp thực hiện: Rà soát thanh thiếu niên trên địa bàn, tổ chức các lớp bồi dưỡng, phổ cập THCS theo quy định.

*** Đối với tiêu chí 15 (Thôn Ia Nhú, Đức Hưng, Ia Đao, Ia Kle: chưa đạt)**

- Lý do:

Thôn Ia Nhú: Còn thiếu 17 người chưa tham gia BHYT (nội dung 15.1).

Thôn Đức Hưng: Còn thiếu 19 người chưa tham gia BHYT (nội dung 15.1).

Thôn Ia Đao: Còn thiếu 13 người chưa tham gia BHYT (nội dung 15.1).

Thôn Ia Kle: Còn thiếu 78 người chưa tham gia BHYT (nội dung 15.1).

- Giải pháp thực hiện: Chỉ đạo xã có kế hoạch phân công ban, ngành đoàn thể xã, Trạm y tế xã chịu trách nhiệm phụ trách từng thôn, làng, hộ dân thực hiện công tác vận động nhân dân tham gia mua bảo hiểm y tế.

*** Đối với tiêu chí 16 (Thôn Ia Nhú, Ia Đao)**

- Lý do: Các thôn còn xảy ra tình trạng trộm cắp, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

- Giải pháp: Tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự; hoàn chỉnh hồ sơ công nhận thôn, làng văn hoá hàng năm.

*** Đối với tiêu chí 17 (Thôn Ia Nhú, Ia Boong, Đức Hưng, Ia Đao, Ia Kle)**

- Lý do:

Thôn Ia Nhú: Còn thiếu 16 hộ, cơ sở SXKD chưa đảm bảo an toàn thực phẩm

Thôn Ia Boong: Còn thiếu 31 hộ, cơ sở SXKD chưa đảm bảo an toàn thực phẩm.

Thôn Đức Hưng: Còn thiếu 23 hộ, cơ sở SXKD chưa đảm bảo an toàn thực phẩm.

Thôn Ia Đao: Còn thiếu 16 hộ, cơ sở SXKD chưa đảm bảo an toàn thực phẩm.

Thôn Ia Kle: Còn thiếu 20 hộ, cơ sở SXKD chưa đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Giải pháp: Tổ chức rà soát, lập danh sách, tập huấn, các hộ dân ký cam kết sản xuất, kinh doanh đảm bảo ATTP.

2. Xã Ia Pnôn: Có 01/4 làng (Làng Triêl) (theo Công văn số 2401/UBND-KT, ngày 13/12/2019 của UBND huyện) chủ động phấn đấu thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020, nhưng không đăng ký thực hiện với Tỉnh.

Đến nay, làng Triêl đạt 13/19 tiêu chí, chưa đạt 06 tiêu chí (2, 9, 10, 11, 13, 17), cụ thể như sau:

*** Đối với tiêu chí 2**

- Lý do: Còn thiếu 1,0 km đường ngõ xóm còn trơn trượt khó đi lại vào mùa mưa (nội dung 2.3); thiếu 0,7 km đường nội đồng chưa đảm bảo cứng hoá (nội dung 2.4).

- Giải pháp thực hiện: Huy động nguồn lực để sửa chữa, xây dựng đường giao thông đảm bảo quy định.

*** Đối với tiêu chí 9**

- Lý do: Còn 25 hộ có nhà, vườn chưa bố trí ngăn nắp (nội dung 9.2); còn 17 hộ chưa có khuôn viên nhà ở được chỉnh trang ngăn nắp; có cổng ngõ, hàng rào (nội dung 9.3); còn thiếu tối thiểu 23 nhà ở chưa đạt chuẩn theo quy định (nội dung 9.5).

- Giải pháp thực hiện: Vận động nhân dân đổi ứng kinh phí và huy động, bố trí nguồn kinh phí để xóa nhà tạm, dột nát và chỉnh trang ngăn nắp nhà ở, vườn, cổng ngõ, hàng rào...

*** Đối với tiêu chí 10**

- Lý do: Yêu cầu đạt chuẩn năm 2019 (làng DTTS: >38 triệu đồng). Nhưng làng Triết, thu nhập bình quân đầu người năm 2019 đạt 24 triệu đồng/người/ năm.

- Giải pháp thực hiện: Rà soát lại tất cả các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá thu nhập bình quân. Hỗ trợ phát triển các mô hình chăn nuôi nông hộ, tái đàn. Vận động nhân dân tham gia các chuỗi liên kết sản xuất như: Chuỗi liên kết cà phê, hạt điều.

*** Đối với tiêu chí 11**

- Lý do: Tỷ lệ hộ nghèo làng Triết 10,2%, chưa đảm bảo <7% theo quy định.

- Giải pháp: Đẩy mạnh triển khai các chương trình dự án phát triển sản xuất nhằm giảm tỷ lệ hộ nghèo tại làng Triết; đồng thời tạo điều kiện cho hộ nghèo được tập huấn kiến thức, tham gia lao động tại các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài huyện.

*** Đối với tiêu chí 13**

- Lý do: Làng chưa có Tổ hợp tác sản xuất (nội dung 13.1); Chưa có các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị (nội dung 13.2).

- Giải pháp thực hiện: Vận động các hộ dân thành lập Tổ hợp tác sản xuất; tạo điều kiện nhân dân tham gia hợp tác liên kết sản xuất các dự án: Lúa đặc sản, cà phê, điều...

*** Đối với tiêu chí 17**

- Lý do: Nghĩa trang làng chưa có hệ thống cây xanh, mương thoát nước cách biệt so với khu dân cư (nội dung 17.4); làng chưa có tổ thu gom rác thải, môi trường chưa đảm bảo (nội dung 17.5); Còn thiếu hơn 44 hộ cần phải chỉnh trang nhà tiêu, nhà tắm, bể nước HVS (nội dung 17.6); có tối thiểu 06 hộ chưa xây dựng chuồng trại chăn nuôi HVS (nội dung 17.7); còn 02 hộ, cơ sở sản xuất, KD chưa đảm bảo ATTP (nội dung 17.8).

- Giải pháp: Huy động nguồn lực; tuyên truyền, vận động nhân dân chỉnh trang lại nghĩa địa, nhà tiêu, nhà tắm, chuồng trại chăn nuôi HVS; Tổ chức rà soát, lập danh sách, tập huấn, các hộ dân ký cam kết sản xuất, kinh doanh đảm bảo ATTP.

3. Đánh giá những khó khăn trong triển khai thực hiện Đề án 1385 trong thời gian qua:

Công tác triển khai thực hiện Đề án 1385 đã được cấp ủy, chính quyền các cấp đặc biệt quan tâm, nguồn lực đầu tư tại các thôn, làng thuộc phạm vi thực hiện Đề án 1385 đã được bố trí theo lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm...

Bên cạnh đó, việc thực hiện còn gặp nhiều khó khăn đó là: Xuất phát điểm các thôn, làng còn thấp; đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn; đặc biệt là tình hình thiên tai, hạn hán, dịch bệnh liên tiếp xảy ra, ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện các tiêu chí chủ yếu là từ nội lực của nhân dân mới có thể đạt được (như tiêu chí 9- nhà ở; tiêu chí 10- thu nhập; tiêu chí 11- hộ nghèo; tiêu chí 17- môi trường...). Do

đó, cho dù nguồn lực nhà nước quan tâm đầu tư, nhưng một số thôn, làng khó đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch đề ra đến cuối năm 2020 (như thôn Ia Đao, Ia Kle, xã Ia Nan và làng Triêl, xã Ia Pnôn).

(Có phụ lục 01, 02 kèm theo).

III. Kế hoạch thực hiện nguồn vốn huy động năm 2020:

1. Tổng nguồn lực huy động:

Năm 2020, tổng nguồn vốn ngân sách đầu tư tại các thôn, làng thuộc phạm vi thực hiện Đề án 1385 trên địa bàn huyện: 17.881 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Vốn xổ số kiến thiết thực hiện Chương trình MTQG XDNTM: 8.602 triệu đồng (theo Quyết định số 765/QĐ-UBND, ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh và QĐ số 312/QĐ-UBND, ngày 25/02/2020; QĐ số 438/QĐ-UBND, ngày 19/3/2020 của UBND huyện).

- Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 664 triệu đồng (theo Quyết định số 84/QĐ-UBND, ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh và QĐ số 439/QĐ-UBND, ngày 19/3/2020 của UBND huyện).

- Vốn sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020: 2.065 (theo Quyết định số 84/QĐ-UBND, ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh và QĐ số 494/QĐ-UBND, ngày 26/3/2020 của UBND huyện)

- Vốn đầu tư từ nguồn dự phòng Ngân sách Trung ương năm 2019 chuyển sang thực hiện Chương trình MTQG XDNTM: 6.550 triệu đồng (theo Quyết định số 408/QĐ-UBND, ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh và QĐ số 70/QĐ-UBND, ngày 24/4/2020 của UBND huyện).

2. Đề xuất bổ sung kinh phí còn thiếu cần tỉnh hỗ trợ để đảm bảo mục tiêu năm 2020:

Căn cứ Tờ trình số 14/TTr-UBND, ngày 14/02/2020 của UBND huyện về việc đăng ký danh mục dự án sử dụng vốn dự phòng năm 2020 Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đã gửi Sở Kế hoạch-ĐT (gửi kèm theo báo cáo này) và trên cơ sở nhu cầu đăng ký vốn thực hiện Đề án 1385 đảm bảo chỉ tiêu năm 2020 và những năm tiếp theo của xã Ia Nan, Ia Pnôn.

Ủy ban nhân dân huyện đề xuất bổ sung kinh phí còn thiếu cần tỉnh hỗ trợ để đảm bảo mục tiêu năm 2020: 42,111 tỷ đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai tỷ, một trăm mười một triệu đồng).

(Có phụ lục 03 kèm theo).

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh xem xét, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Sở NNPTNT;
- Văn phòng ĐPXDNTM tỉnh;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG huyện;
- UBND xã Ia Nan, Ia Pnôn;
- Lưu VT-VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Thành

PHỤ LỤC 01:
TỔNG HỢP CHUNG KẾT QUẢ ĐẠT TIÊU CHÍ CÁC THÔN, LÀNG CỦA HUYỆN ĐỨC CƠ

Ghi chú: Tiêu chí đạt đánh dấu x

Nhóm tiêu chí																							
Stt	Thôn, làng	Quy hoạch	Hạ tầng kinh tế - xã hội								Kinh tế và Tổ chức sản xuất					Văn hóa - Xã hội - Môi trường					Hệ thống chính trị		Tổng số tiêu chí đạt
			1. Quy hoạch	2. Giao thông	3. Thủy lợi	4. Điện	5. Trường học	6. Cơ sở vật chất văn hóa	7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	8. Thông tin và Truyền thông	9. Nhà ở và khuôn viên hộ gia đình	10. Thu nhập	11. Hộ nghèo	12. Lao động có việc làm	13. Tổ chức sản xuất	14. Giáo dục và Đào tạo	15. Y tế	16. Văn hóa	17. Môi trường và An toàn thực phẩm	18. Hệ thống chính trị, bình đẳng giới	19. Quốc phòng và An ninh		
I	XÁ IA NAN	9	6	9	9	8	9	9	9	1	0	7	8	9	6	4	5	1	9	9			
1	Làng Sơn	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X			
2	Thôn Ia Boong	X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X	X	X		X	X			
3	Thôn Ia Nhú	X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X				X	X			
4	Thôn Đức Hưng	X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X		X		X	X			
5	Thôn Ia Đào	X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X		X		X	X			
6	Thôn Ia Chía	X		X	X	X	X	X				X	X	X	X	X			X	X			
7	Làng Nủ	X		X	X	X	X	X					X	X		X			X	X			
8	Làng Tung	X	X	X	X		X	X						X					X	X			
9	Thôn Ia Kle	X		X	X	X	X	X				X	X	X			X		X	X			

Stt	Thôn, làng	Nhóm tiêu chí																				
		Quy hoạch	Hạ tầng kinh tế - xã hội								Kinh tế và Tổ chức sản xuất				Văn hóa - Xã hội - Môi trường					Hệ thống chính trị		Tổng số tiêu chí đạt
			1. Quy hoạch	2. Giao thông	3. Thủy lợi	4. Điện	5. Trường học	6. Cơ sở vật chất văn hóa	7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	8. Thông tin và Truyền thông	9. Nhà ở và khuôn viên hộ gia đình	10. Thu nhập	11. Hộ nghèo	12. Lao động có việc làm	13. Tổ chức sản xuất	14. Giáo dục và Đào tạo	15. Y tế	16. Văn hóa	17. Môi trường và An toàn thực phẩm	18. Hệ thống chính, bình đẳng giới	19. Quốc phòng và An ninh	
II	XÁ IA PNÓN	3	0	3	3	0	3	3	3	0	0	3	0				2	2	0	0	3	
1	Làng Triêl	X		X	X	X	X	X	X			X					X	X		X	X	13
2	Làng Chan	X		X	X		X	X	X			X					X	X			X	10
3	Làng Ba	X		X	X		X	X				X					X	X			X	11
4	Làng Bua	X		X	X		X	X	X			X					X	X			X	10
	TỔNG CỘNG	12	6	12	12	8	12	12	12	1	0	7	11	9	9	9	6	7	1	9	12	



PHỤ LỤC 02:
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH PHÂN ĐẦU ĐẠT TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

STT	Tên xã	Thời gian đăng ký đạt chuẩn		Số tiêu chí đã đạt chuẩn	Các tiêu chí chưa đạt chuẩn	Kế hoạch phân đầu hoàn thành các tiêu chí			Ghi chú
		Năm 2019	Năm 2020			Năm 2019	Năm 2020	Sau năm 2020	
I	XÃ IA NAN	1	5						
1	Làng Sơn	X		18	1 tiêu chí: 10		1 tiêu chí: 1		Đạt chuẩn năm 2018, tiếp tục duy trì và hoàn thiện tiêu chí
2	Thôn Ia Boong		X	16	3 tiêu chí: 9,10,17		3 tiêu chí: 9,10,17		Đạt chuẩn năm 2020
3	Thôn Ia Nhú		X	14	5 tiêu chí: 9,10,15, 16,17		5 tiêu chí: 9,10,15, 16,17		Đạt chuẩn năm 2020
4	Thôn Đứơc Hưng		X	15	4 tiêu chí: 9,10,15,17		4 tiêu chí: 9,10,15,17		Đạt chuẩn năm 2020
5	Thôn Ia Đào		X	15	4 tiêu chí: 9,10,15,17		4 tiêu chí: 9,10,15,17		Chỉ tiêu Tình giao đạt chuẩn năm 2020 (Nhưng khó đạt)
6	Thôn Ia Kle		X	13	6 tiêu chí: 2,9,10,14,15,17		6 tiêu chí: 2,9,10,14,15,17		Chỉ tiêu Tình giao đạt chuẩn năm 2020 (Nhưng khó đạt)
7	Thôn Ia Chia			14	5 tiêu chí: 2,9,10,16,17		5 tiêu chí: 2,9,10,16,17		Đạt chuẩn sau năm 2020
8	Làng Nù			12	7 tiêu chí: 2,9,10,11,14,16,17		4 tiêu chí: 2,14,16,17	3 tiêu chí: 9,10,11	Đạt chuẩn sau năm 2020
9	Làng Tung			10	9 tiêu chí: 5,9,10,11,12,14,15,16,17		5 tiêu chí: 5,12,14,15,16	4 tiêu chí: 9,10,11,17	Đạt chuẩn sau năm 2020
II	XÃ IA PNÓN		1						
1	Làng Triêl		X	13	6 tiêu chí: 2,9,10,11,13,17		6 tiêu chí: 2,9,10,11,13,17		Chỉ tiêu Huyện phân đầu đạt chuẩn năm 2020 (Nhưng khó đạt)
2	Làng Chan			10	9 tiêu chí: 2,5,9,10,11,13,16,17,18		4 tiêu chí: 13,16,17,18	5 tiêu chí: 2,5,9,10,11	Đạt chuẩn sau năm 2020
3	Làng Ba			11	8 tiêu chí: 2,5,9,10,11,13,17,18		3 tiêu chí: 13,17,18	5 tiêu chí: 2,5,9,10,11	Đạt chuẩn sau năm 2020
4	Làng Bua			10	9 tiêu chí: 2,5,9,10,11,13,15,17,18		4 tiêu chí: 13,15,17,18	5 tiêu chí: 2,5,9,10,11	Đạt chuẩn sau năm 2020

[Red Stamp]

PHỤ LỤC 03:
DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐẦU TƯ NĂM 2020
THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 1385 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỨC CỎ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó				
						Dự phòng ngân sách TW	Ngân sách Huyện, xã	Vốn huy động khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG (I+II):				42.111	37.830	0	1.131		
I	XÃ IA NAN				30.740	26.790	0	800		
I.1	<i>Danh mục các Dự án đã đề xuất tại Tờ trình số 14/TTr-UBND, ngày 14/02/2020 của UBND huyện</i>				19.369	15.750	0	469		
1	Trường Tiểu học Kpakh Klomg	xã Ia Nan	04 phòng lý thuyết, 02 Phòng chức năng, Nhà cấp III, 02 tầng, DTS: 453,24 m2; Nhà bếp nhà ăn, DTXD: 210 m2; sân bê tông, S= 1000 m2; nhà vệ sinh, thiết bị	2019-2020	4.600	1.450			BQL các chương trình MTQG xã	Công trình chuyển tiếp
2	Trường THCS Phan Bội Châu	xã IaNan	Nhà vệ sinh DTXD 75 m2; tường rào L= 250m; sân bê tông	2020	1.000	1.000		0	nt	
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Tung, làng Núi, thôn Ia Đào, IaKle, Ia Boong, Ia Chia, Đức Hưng, Ia Nhú	xã IaNan	Sân bê tông, cổng, tường rào; sơn sửa nhà SHCD, lắp đặt hệ thống thiết bị, mở rộng nhà SHCD Đức Hưng	2020	2.105	2.000		105	nt	
4	Sửa chữa đường giao thông thôn Đức Hưng, thôn Ia chia, làng Tung, Thôn Ia Đào, thôn Ia boong	xã IaNan	Sửa chữa nền, mặt đường, L= 2,5 km; hệ thống thoát nước	2020	1.684	1.600		84	nt	
5	Đường vào khu sản xuất Thôn Ia Đào	xã Ia Nan	L= 70m, Đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 16cm; 02 cống hộp 200x200; mương thoát nước	2020	632	600		32	nt	
6	Đường giao thông thôn Ia Chia (Đoạn từ tiếp giáp trường Cù Chính Lan đến nhà ông Quyền)	Thôn Ia Chia	L=0,6km, Bn=5,0m; Bm=3,0m; ĐDDL, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m2 hệ thống thoát nước	2020	1.053	1.000		53	nt	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó				
						Dự phòng ngân sách TW	Ngân sách Huyện, xã	Vốn huy động khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	Trường Tiểu học Kpăh Klong (Điểm trường chính, điểm trường làng Tung, làng Sơn	xã IaNan	Sơn, sửa lại tường rào L=76m; Sân bê tông S=300m ² ; Nhà vệ sinh 40m ² ; Thư viện đa năng 200m ² ; Phòng chờ giáo viên điểm chính và điểm trường làng Sơn S= 30m ² ; Nhà vệ sinh điểm trường làng Tung S= 40m ²	2020	1.500	1.500		0	nt	
8	Đường giao thông nội thôn Ia Boong	Ia Boong	L=1,5km, Bn=5,0, Bm=3,0; ĐDLN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m ² hệ thống thoát nước	2020	1.895	1.800		95	nt	
9	Đường vào khu sản xuất Thôn Ia Nhú, , thôn Đức Hưng	xã IaNan	L=0,7km, Bn=5,0m; Bm=3,0m; Đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	2020	842	800		42	nt	
10	Trường MN Hoa Cúc	làng Núi	Làm nhà vòm DT 600m ² , 01 phòng làm việc, 01 phòng y tế, 01 phòng bảo vệ	2020	1.200	1.200				Bổ sung thêm hạng mục và vốn đầu tư
11	Trường tiểu học Cù Chính Lan (Điểm thôn Ia Chia và điểm thôn Đức Hưng)	Xã Ia nan	Nhà vệ sinh HS DT 40m ² ; Nhà xe GV S=150m ² , Sân bê tông S=630m ²	2020	700	700			nt	
12	Sân vận động	làng Núi	Công, hàng rào kẽm gai, đường vào sân vận động L=850m, hệ thống thoát nước	2020	1.158	1.100		58	nt	
13	Trạm y tế xã Ia Nan	làng Núi	Sân bê tông S=630m ² ; Xây Công , tường rào L=220m; Nhà kho chứa thuốc và vật tư y tế S=75m ² , Nhà vòm để xe S=50m ²	2020	1.000	1.000			nt	
L.2	Danh mục dự án đề xuất bổ sung				6.529	6.450	0	79		
14	Nâng cấp đường vào sân vận động làng Núi	làng Núi	L= 0,7 km, Bm=3,5m, Bl=3,0m, đá dăm láng nhựa, TCN 3,5kg/m ³ ; công	2020	750	750				
15	Sửa chữa Đường giao thông trực thôn Đức Hưng	Đức Hưng	L= 0,3 km, mặt đường, nền đường, mương thoát nước dọc	2020	600	600				
16	Nâng cấp đường ra khu sản xuất thôn Đức Hưng	Đức Hưng	L= 0,4 km, Bm=3,5m, Bl=3,0m, đá dăm láng nhựa, TCN 3,5kg/m ³ ; công	2020	600	600				
17	Nâng cấp đường ra khu sản xuất thôn Ia Đào	Ia Đào	L= 0,8 km, Bm=3,0m, bê tông; công hộp	2020	700	700				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	Dự phòng ngân sách TV	Ngân sách Huyện, xã	Vốn huy động khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
18	Sửa chữa đường Ngã ba Kiểm lâm vào thôn hội trường Ia Chía	Ia Chía	L= 1,3 km, mặt đường, nền đường, mương thoát nước dọc	2020	700	700				
19	Xây dựng đường vào bãi rác chung xã Ia Nan	Xã Ia Nan	L=1,2km; Bn=5,0m; Bm=3,0m; BTXM đá 2x4 mác 250 dày 18cm; hệ thống thoát nước	2020	1.579	1500		79		
20	Sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng làng Tung, làng Núi	Làng Tung, Núi	Sơn sửa, sân bê tông, cổng, hàng rào	2020	1.000	1000				
21	Xây dựng bể thu gom bao bì, thuốc BVTV tại các thôn, làng	Xã Ia Nan	200 bể chứa	2020	600	600				
II	XÃ IA PNÓN				11.371	11.040	0	331		
II.1	Danh mục các Dự án đã đề xuất tại Tờ trình số 14/TT-UBND, ngày 14/02/2020 của UBND huyện				7.221	6.890	0	331		
1	Đường giao thông làng Triel (Đoạn đường từ nhà SHCD đi nhà Rơ Châm Hui, đường đi xuống giọt nước, đường tuyến 2)	Làng Triel	L= 0,700m, Bn=5,5m; Bm=3,5m; Đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 16cm; đường Đá dăm láng nhựa TCN 3,0kg/m2; Sửa chữa; hệ thống thoát nước	2020	895	850		45	BQL các chương trình MTQG xã	
2	Đường giao thông làng Ba (Đoạn đường từ trục chính làng Ba đi nghĩa trang)	Làng Ba	L=0,2km, Bn=5,0m; Bm=3,0m; Đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	2020	263	250		13	nt	
3	Sửa chữa, nâng cấp Đường giao thông nội làng Bua, đoạn từ nhà Ông Đặng Sỹ Khoa đến nghĩa trang	Làng Bua	L=0,6km, Bn=5,5m; Bm=3,5m; ĐDLN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m2 hệ thống thoát nước	2020	842	800		42	nt	
4	Nối tiếp đường nhựa dốc làng cùi đi vào đồn biên phòng 725	làng Bua	L=0,9km, Bn=5,5m; Bm=3,5m; ĐDLN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m2 hệ thống thoát nước	2020	1.158	1.100		58	nt	
5	Nối tiếp đường nhựa sân bóng ông Đặng Bá Hòa làng Bua đi vào cầu suối IaKriêng	làng Bua	L=0,9km, Bn=5,5m; Bm=3,5m; ĐDLN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m2 hệ thống thoát nước	2020	1.158	1.100		58	nt	
6	Sửa chữa đường giao thông làng Bua, làng Ba, làng Chan	Làng Ba, làng Bua	L=2,0km, Bn=5,5m; Bm=3,5m; ĐDLN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m2 hệ thống thoát nước	2020	1.200	1.140		60	nt	
7	Đường giao thông từ tuyến II đi làng Chan, làng Bua	làng Chan, làng Bua	L=0,5km, Bn=5,5m; Bm=3,5m; ĐDLN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m2 hệ thống thoát nước	2020	789	750		39	nt	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó					
						Dự phòng ngân sách TW	Ngân sách Huyện, xã	Vốn huy động khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
8	Trường Mầm non Vàng Anh,	Làng Bua	Cổng, tường rào điểm trường chính Nhà vòm (khu sân chơi học sinh), L=190m, diện tích 360m2; sân bê tông	2020	600	600				nt	
9	Sân vận động	Làng Chan	Cổng; hàng rào kẽm gai; san gạt mặt bằng	2020	316	300		16	nt		
11.2	Danh mục dự án để xuất bổ sung				4.150	4.150					
10	Nâng cấp đường GT nội làng Triết	Làng Triết	L= 1,0 km, Bm=3,5m, B=3,0m, đá dăm láng nhựa, TCN 3,5kg/m3; công	2020	1.200	1.200					
11	Nâng cấp đường ra khu sản xuất làng Triết	Làng Triết	L= 0,7 km, Bm=3,5m, B=3,0m, đá dăm láng nhựa, TCN 3,5kg/m3; công	2020	700	700					
12	Đường giao thông làng Chan	Làng Chan	L= 0,4 km, Bm=3,5m, B=3,0m, đá dăm láng nhựa, TCN 3,5kg/m3; công	2020	700	700					
13	Đường giao thông làng Ba	Làng Ba	L= 0,5 km, Bm=3,5m, B=3,0m, đá dăm láng nhựa, TCN 3,5kg/m3; công	2020	800	800					
14	Sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng làng Triết	Làng Triết	Sơn sửa, sân bê tông, cổng, hàng rào, trang thiết bị	2020	150	150					
15	Xây dựng bể thu gom bao bì, thuốc BVTV tại các thôn, làng	Xã Ia Pnôn	200 bể chứa	2020	600	600					

Page 4



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC CƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14 /TTr-UBND

Đức Cơ, ngày 14 tháng 02 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc đăng ký danh mục dự án sử dụng vốn dự phòng năm 2020
Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

Căn cứ Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020;

Triển khai Công văn số 722/KHĐT-KTN ngày 05/4/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn lập kế hoạch sử dụng vốn dự phòng trung hạn 2016-2020 của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Triển khai Công văn số 2408/KHĐT-KTN ngày 21/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư vốn công năm 2020 hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Ia Nan và Ia Pnôn về đăng ký danh mục dự án năm 2020 sử dụng vốn dự phòng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. UBND huyện Đức Cơ, đề xuất danh mục các dự án (Có danh mục chi tiết kèm theo).

Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 213/TT-UBND ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ)

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Các phòng: Tài chính - KH; Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT-VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Phận

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số 14 /TTr-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2020 của UBND huyện Đức Cờ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	Dự phòng ngân sách TW	Ngân sách Huyện, xã	Vốn huy động khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG				25.890	21.940	0	800		
I	XÃ IA NAN				18.669	15.050	0	469		
1	Trường Tiểu học Kpăh Klong	xã Ia Nan	04 phòng lý thuyết, 02 Phòng chức năng, Nhà cấp III, 02 tầng, DTS: 453,24 m ² ; Nhà bếp nhà ăn, DTXD: 210 m ² ; sân bê tông, S= 1000 m ² ; nhà vệ sinh, thiết bị	2019-2020	4.600	1.450			BQL các chương trình MTQG xã	Công trình chuyển tiếp
2	Trường THCS Phan Bội Châu	xã Ia Nan	Nhà vệ sinh DTXD 75 m ² ; tường rào L= 250m; sân bê tông	2020	1.000	1.000		0	nt	
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Tung, làng Núi, thôn Ia Dao, Ia Kle, Ia Boong, Ia Chĩa, Đức Hưng, Ia Nhú	xã Ia Nan	Sân bê tông, cổng, tường rào; sơn sửa nhà SHCD, lắp đặt hệ thống thiết bị, mở rộng nhà SHCD Đức Hưng	2020	2.105	2.000		105	nt	
4	Sửa chữa đường giao thông thôn Đức Hưng, thôn Ia Chĩa, làng Tung, Thôn Ia Dao, thôn Ia boong	xã Ia Nan	Sửa chữa nền, mặt đường, L= 2,5 km; hệ thống thoát nước	2020	1.684	1.600		84	nt	
5	Đường vào khu sản xuất Thôn Ia Dao	xã Ia Nan	L= 70m, Đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 16cm; 02 cống hộp 200x200; mương thoát nước	2020	632	600		32	nt	
6	Đường giao thông thôn Ia Chĩa (Đoạn từ tiếp giáp trường Cù Chính Lan đến nhà ông Quyền)	Thôn Ia Chĩa	L=0,6km, Bn=5,0m; Bm=3,0m; ĐDLN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m ² hệ thống thoát nước	2020	1.053	1.000		53	nt	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	Dự phòng ngân sách TW	Ngân sách Huyện, xã	Vốn huy động khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	Trường Tiểu học Kpăh Klong (Điểm trường chính, điểm trường làng Tung, làng Sơn)	xã Ia Nan	Sơn, sửa lại tường rào L=76m; Sân bê tông S= 300m ² ; Nhà vệ sinh 40m ² ; Thư viện đa năng 200m ² ; Phòng chờ giáo viên điểm chính và điểm trường làng Sơn S= 30m ² ; Nhà vệ sinh điểm trường làng Tung S= 40m ²	2020	1.500	1.500		0	nt	
8	Đường giao thông nội thôn Ia Boong	Ia Boong	L=1,5km, Bn=5,0, Bm=3,0; ĐĐLN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m ² hệ thống thoát nước	2020	1.895	1.800		95	nt	
9	Đường vào khu sản xuất Thôn Ia Nhú, thôn Đức Hưng	xã Ia Nan	L=0,7km, Bn=5,0m; Bm=3,0m; Đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	2020	842	800		42	nt	
10	Trường MN Hoa Cúc	làng Nù	Làm nhà vòm DT 600m ²	2020	500	500				
11	Trường tiểu học Cù Chính Lan (Điểm thôn Ia Chĩa và điểm thôn Đức Hưng)	Xã Ia nan	Nhà vệ sinh HS DT 40m ² ; Nhà xe GV S=150m ² , Sân bê tông S=630m ²	2020	700	700			nt	
12	Sân vận động	làng Nù	Cổng, hàng rào kẽm gai, đường vào sân vận động L=850m, hệ thống thoát nước	2020	1.158	1.100		58	nt	
13	Trạm y tế xã Ia Nan	làng Nù	Sân bê tông S=630m ² ; Xây Cổng, tường rào L=220m; Nhà kho chứa thuốc và vật tư y tế S= 75m ² , Nhà vòm để xe S=50m ²	2020	1.000	1.000			nt	
II	XÃ IA PNÔN				7.221	6.890	0	331		
I	Đường giao thông làng Triel (Đoạn đường từ nhà SHCĐ đi nhà Rơ Chăm Hui, đường đi xuống giọt nước, đường tuyến 2)	Làng Triel	L= 0,700m, Bn=5,5m; Bm=3,5m; Đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 16cm; đường Đá dăm láng nhựa TCN 3,0kg/m ² ; Sửa chữa; hệ thống thoát nước	2020	895	850		45	BQL các chương trình MTQG xã	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	Dự phòng ngân sách TW	Ngân sách Huyện, xã	Vốn huy động khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Đường giao thông làng Ba (Đoạn đường từ trục chính làng Ba đi nghĩa trang)	Làng Ba	L=0,2km, Bn=5,0m; Bm=3,0m; Đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	2020	263	250		13	nt	
3	Sửa chữa, nâng cấp Đường giao thông nội làng Bua, đoạn từ nhà Ông Đặng Sỹ Khoa đến nghĩa trang	Làng Bua	L=0,6km, Bn=5,5m; Bm=3,5m; ĐDLN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m ² hệ thống thoát nước	2020	842	800		42	nt	
4	Nối tiếp đường nhựa dọc làng cù đi vào đôn biên phòng 725	làng Bua	L=0,9km, Bn=5,5m; Bm=3,5m; ĐDLN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m ² hệ thống thoát nước	2020	1.158	1.100		58	nt	
5	Nối tiếp đường nhựa sân bóng ông Đặng Bá Hòa làng Bua đi vào cầu suối IaKriêng	làng Bua	L=0,9km, Bn=5,5m; Bm=3,5m; ĐDLN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m ² hệ thống thoát nước	2020	1.158	1.100		58	nt	
6	Sửa chữa đường giao thông làng Bua, làng Ba, làng Chan	Làng Ba, làng Bua	L=2,0km, Bn=5,5m; Bm=3,5m; ĐDLN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m ² hệ thống thoát nước	2020	1.200	1.140		60	nt	
7	Đường giao thông từ tuyến II đi làng Chan, làng Bua	làng Chan, làng Bua	L=0,5km, Bn=5,5m; Bm=3,5m; ĐDLN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m ² hệ thống thoát nước	2020	789	750		39	nt	
8	Trường Mầm non Vàng Anh,	Làng Bua	Cổng, tường rào điểm trường chính Nhà vòm (khu sân chơi học sinh), L=190m, diện tích 360m ² ; sân bê tông	2020	600	600			nt	
9	Sân vận động	Làng Chan	Cổng; hàng rào kẽm gai; san gạt mặt bằng	2020	316	300		16	nt	